



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM PHAM QUANG TRUNG
Last Middle First
Current Address: Quarter 4, Hamlet 3, Village Long An, Long Thau, Dong Nai
Date of Birth: 1941 Place of Birth: Binh Dinh
Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 4/75 To 6/81
Years: 6 Months: 2 Days: _____
3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Số 887/GRT

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 22-8-1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TTLB ngày 29-12-1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên ngũ quyền ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị

TTGDCT do Traicải tạo A30, Ty công an Phú Khánh quản lý

— Căn cứ quyết định số: 453/PA3- 5.6.1981 Ty công an P. Khánh
Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1 — Nay cấp giấy ra trại cho anh, chị có tên sau đây:

— Họ và tên: Phạm Quang Cường — Bí danh: _____

— Họ tên thường gọi: _____

— Sinh ngày: 5 tháng 10 năm 1941

— Sinh quán: Hoa Tân, Hoa Mơn, Bình Định

— Trú quán: Kinh tế mới, Hoa Mỹ, Tây Sơn, P. Khánh

— Quốc tịch: Việt Nam — Dân tộc: Kinh

— Tôn giáo: Thiên chúa giáo — Đảng phái: _____

+ Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: Đại úy - Trưởng ban

Chiến tranh chính trị Chi khu

— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 7.4.1975

— Nay về cư trú tại: Kinh tế mới, Hoa Mỹ, Tây Sơn, P. Khánh

Tây Sơn, Phú Khánh

2 — Khi về địa phương đương sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ nghĩa vụ người công dân, và phải thi hành lệnh quản chỗ thời gian 12 tháng.

Phú Khánh, ngày 22 tháng 6 năm 1981

Là tay ngôn, trợ phải

Họ, tên, ch. ký
người được cấp giấy

BAN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng

Trúc

Phạm Quang Cường

Am

Là biên số: _____

Là tại: _____

TRẦN ĐỨC HẠNH

Long An, ngày 1-9-1989

Kính gửi: Bà Khúc Minh Thò

Kính thưa Bà, gia đình chúng tôi bên này
điều biết Bà làm Hội trưởng Hội giúp đỡ xin
cho việc nhập cảnh của những người si-guan
chê độ cũ? Sài Gòn "Cải tạo đũa tha" theo diện ra
đi "ODP" mà hai chính phủ Việt, Mỹ thỏa thuận

Với mục đích ấy, gia đình chúng tôi cố gắng
thực hiện giúp đỡ theo sự hướng dẫn của Hội, mong
sự chiếu-cử của Bà và Hội giúp đỡ tận tình
để mọi sự diễn tiến có kết quả tốt đẹp hơn;

Huống đây gia đình chúng tôi có nhớ bà con bên
ấy bao lần và đã nộp giấy tờ có số IV: 2MH64
ngày 18-1-1985 nhưng Hội đồ có tin tôi và
người con trai tôi thôi, còn vợ con (đứa nữa)

Chưa làm hộ khẩu sống chung đũa; nay đã
điều ngày 23-8-1989. Chúng tôi nghĩ rằng
rồi trước cả hai chính phủ xin cho xuất,
nhập cảnh thì gia đình chúng tôi không có gì
chia cách như trước ngày 23-8-1989 chưa làm
hộ khẩu sống chung đũa. Tôi rất mong đũa
lời giải-thích của Bà và Hội cho chính phủ bên này
rõ... Sau hết gia đình chúng tôi xin cảm ơn Bà
và Hội hay ở cách xa nhau nên từng những lần
đến chúng tôi nhiều...)

Kính thư

Phạm Quang Tường

ỦY BAN NHÂN DÂN
Phường, Xã Lơng An
Quận, Huyện Lơng Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



((0 YẾU LÝ LỊCH
TẠM THAY THẾ KHAI SINH

Họ tên đứa trẻ : PHẠM QUANG TRUNG
Trai hay gái : trai
Ngày tháng năm sinh : (5-10-1941) Ngày 05 tháng 10 năm 1941 6

Nơi sinh : Đền thờ Hoa táp Hoa nhân Nghĩa Bình
Thành phần và hoàn cảnh gia đình : Bán rông

Họ tên tuổi : cha Phạm Xuân Viên (chết)
Quốc tịch người cha : Việt Nam
Nghề nghiệp : Nông
Chỗ ở : 50 Lê Văn Duyệt khu 6 Quận Nhỏ Nghĩa Bình

Họ tên tuổi : mẹ Nguyễn Thị Thanh (chết)
Quốc tịch người mẹ : Việt Nam
Nghề nghiệp : Nông
Chỗ ở : 50 Lê Văn Duyệt khu 6 Quận Nhỏ Nghĩa Bình

Lý do không có khai sinh : Không có khai sinh

Tôi cam đoan các lời khai nơi bản lý lịch này đúng sự thật tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật nếu có khai gian, xin Cơ quan Chính quyền chứng nhận để tôi tạm sử dụng trong phạm vi Pháp luật hiện hành trong khi chờ đợi Chủ trương của Chính quyền về trường hợp này :

Ngày 08 tháng 12 năm 1988

Người xin ký tên

Trần

Phạm Quang Trung

Người chứng thứ nhất	:	Người chứng thứ hai
Họ tên tuổi <u>Đỗ Huy Sơn 53 tuổi</u>	:	<u>Đỗ Huy Sơn 53 tuổi</u>
Nghề nghiệp <u>Nông</u>	:	<u>Nông</u>
Địa chỉ <u>Thị trấn 3 Lơng An Lơng Thành Đông Nam</u>	:	<u>Ấp 3 Lơng An Lơng Thành Đông Nam</u>
Quan hệ thế nào với người khai <u>Em rể</u>	:	<u>Em rể</u>

U.B.N.D. XÃ LƠNG AN

Ông Phạm Quang Trung đang ký
thường trú tại ấp 3 xã Lơng An,
Sông Đông
Đông Nam
Đông Nam
Đông Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
Phường, Xã Long An
Quận, Huyện Long Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

((o YẾU LÝ LỊCH
TẠM THAY THẾ KHAI SINH

Họ tên đứa trẻ : PHẠM QUANG TRUNG
Trai hay gái : trai
Ngày tháng năm sinh : (5-12-1941) Ngày 5 tháng 12 năm 1941

Nơi sinh : Điền Hòa Tân Hòa Nhơn Nghĩa Bình
Thành phần và hoàn cảnh gia đình : bán nông

Họ tên tuổi cha : Cha Tham Xuân Diên (chết)
Quốc tịch người cha : Việt Nam
Nghề nghiệp : Nông
Chỗ ở : 50 Lê Văn Duyệt khu 6 thị xã Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh

Họ tên tuổi mẹ : Mẹ Nguyễn Thị Thanh (chết)
Quốc tịch người mẹ : Việt Nam
Nghề nghiệp : Nông
Chỗ ở : 50 Lê Văn Duyệt khu 6 thị xã Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh

Lý do không có khai sinh : Viết thiếu sót

Tôi cam đoan các lời khai nơi bản lý lịch này đúng sự thật tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật nếu có khai gian, xin Cơ quan Chính quyền chứng nhận để tôi tạm sử dụng trong phạm vi Pháp luật hiện hành trong khi chờ đợi Chủ trương của Chính quyền về trường hợp này :

Ngày 08 tháng 12 năm 1988
Người xin ký tên

Phạm Quang Cường

Người chứng thứ nhất	:	Người chứng thứ hai
Họ tên tuổi <u>Đỗ Huy Bôn</u> <u>54 tuổi</u>	:	<u>Đỗ Hoang</u> <u>53 tuổi</u>
Nghề nghiệp <u>Nông</u>	:	<u>Nông</u>
Địa chỉ <u>Ấp 3 Long An Long Thành Đồng Nai</u>	:	<u>Ấp 3 Long An Long Thành Đồng Nai</u>
Quan hệ thế nào với người khai	:	<u>Anh em ruột</u>
<u>Đm</u>	:	<u>Đm</u>

M.B.N.D. XÃ LONG AN
Ông Phạm Quang Cường OKTT tại
Ấp 3 xã Long An Long Thành Đồng Nai
CHỖ TẠM

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # 211464

Date: August 4, 1988
Ngày: 4 tháng 8, 1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

CÔNG-TÁC VIỆT-NAM
CHU-VAN-AN
HÀ-NỘI

Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

Name

Họ, tên

: PHAM QUANG TRUNG

Sex:

Phái Male

Other Names

Họ, tên khác

: None

Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh

: Born October 5, 1941 at Hoai-tan, Hoai nhon, Binh dinh

Residence Address
Địa-chỉ thường-trú

: Quarter 4, Hamlet 3, Village Long-an, District Long thanh
Province Dong nai.

Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử

(same as above)

Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại

: Farmer

Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

OTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to company you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).
H-U-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
Pham Quoc Vinh	April 25, 1970	Qui-nhon, Nghia Binh		single	son
Phạm Thị Thuý	7-19-1972	An thui	"	"	girl
Phạm Đức Cường	7-19-1974	An thui	"	"	son
Đo Thị Bích	5-29-1950	Tay phước	"	married	wife
				(2)	
				(3)	
				(4)	
				(5)	
				(6)	
				(7)	
				(8)	
				(9)	
				(10)	

TE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

H-U-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, -thê (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình ảnh. Bà con sẽ cùng đi với bạn hay chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	: Huynh Van Ngoc	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: Cousin	
c. Address Địa-chỉ		
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	: Sept. 20, 1975	

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : None

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : $\emptyset$

c. Address
Địa-chỉ : $\emptyset$

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : Pham Quang Vien (Deceased)

2. Mother
Me : Nguyen Thi Hanh (Deceased)

3. Spouse
Vợ/Chồng : Do Thi Thanh ()

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

None

5. Children
Con cái:

(1) Pham Quoc Vinh

(2) Pham Thi Khuong An (Living with her mother)

(3) Pham Quoc Cuong (same as above)

(4) ~~_____~~

(5) ~~_____~~

(6) ~~_____~~

(7) ~~_____~~

(8) ~~_____~~

(9) ~~_____~~

6. Siblings

Anh chị em: (1) None

(2) ~~_____~~

(3) ~~_____~~

(4) ~~_____~~

(5) ~~_____~~

(6) ~~_____~~

(7) ~~_____~~

(8) ~~_____~~

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of You or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : None

Position title
Chức-vụ : None

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : None

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: None

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : None

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : None

Position title
Chức-vụ : None

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : None

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: None

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : None

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : None

Position title
Chức-vụ : None

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : None

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: None

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : None

3. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Phạm Quang Trung

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1965 Đến 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Captain

Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: (forget)

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chung : Political Warfair

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Colone Hui Vi

6. Reason for Separation

Ly do nghi việc

The corruption of the S. Vietnamese Government

7. Names of American Advisor(s):

Họ tên cố-vấn Mỹ

(Forget)

8. U.S. Training Courses in Vietnam:

Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam

None

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

None

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☒ No ☐)(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đứng sự có không? Có ☐ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

None

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐)(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo :

Trai Cải-tạo A.30 Ty Công-an Phú-Khanh

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

From:

Từ:

July 4, 1975

To:

Tới:

June 22, 1981

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

Released

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Ngày 23/8/1989 mới lập hộ-thầu ông Chung Tuấn và hoàn
 thành (xã-hội mới ở sông) nên không có hộ-thầu chung
 cùng ngày với cả gia đình.
 Tên kèm theo photo kèm hộ-thầu vào nhận)

Signature

Ký tên:

Phạm Quang Trung

Date

Ngày:

August 4, 1988

Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

(A copy of The Release Certificate of Phạm Quang Trung and a copy of Birth Certificate of his son Phạm Quốc Vinh already sent to ODP On 01-18-85 Re. IV # 211464)

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # 211464

Date: August 4, 1988
Ngày:

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

CÔNG-TÁC VIỆT-NAM

CHU-VAN-AN

HÀ-NỘI

Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

Name: PHAM QUANG TRUNG Sex: Male
Họ, tên: Phái

Other Names: None
Họ, tên khác:

Date/Place of Birth: Born October 5, 1941 at Hoai-tan, Hoai nhon, Binh dinh
Ngày/Nơi Sinh:

Residence Address: Quarter 4, Hamlet 3, Village Long-an, District Long thanh
Địa-chỉ thường-trú: Province Dong nai.

Mailing Address: (same as above)
Địa-chỉ thư-tử:

Current Occupation: Farmer
Nghề-nghiệp hiện tại:

Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

OTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).
Hú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
Pham Quoc Vinh	April 25, 1970	Qui-nhon, Nghia Binh		single	son
Phạm Thị Thuý An	4-24-1972	" "	"	"	girl
Phạm Quốc Cường	7-19-1974	Anhui, "	"	"	son
Đo Thị Bích	5-29-1950	Tung Phươc "	"	married	Wife

TE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.

U-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, hôn-thiệp (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng hoặc góa phụ/góa thê, thẻ căn cước (nếu có), và hình ảnh của bà con sẽ cùng đi với bạn để chúng tôi có thể ghi lại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : Huynh Van Ngoc

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : Cousin

c. Address
Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : Sept. 20, 1975

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : None

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : Ø

c. Address
Địa-chỉ : Ø

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : Pham Quang Vien (Deceased)

2. Mother
Mẹ : Nguyen Thi Hanh (Deceased)

3. Spouse
Vợ/Chồng : Do Thi Thanh (

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có): None

5. Children
Con cái: (1) Pham Quoc Vinh

(2) Pham Thi Khuong An (Living with her mother)

(3) Pham Quoc Cuong (same as above)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em: (1) None

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : None
- Position title
Chức-vụ :
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng :
- Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Tới
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ:
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên :
- Position title
Chức-vụ :
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng :
- Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Tới
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ:
- Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc :
3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên :
- Position title
Chức-vụ :
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng :
- Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Tới
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ:
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Phạm Quang Trung
2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1965 Tới 1975
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Captain Số the nhân-viên: (forget)
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị : Political Warfare
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy :

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : The corruption of the S. Vietnamese Government
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ : (Forget)
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam : None
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Date received:
Phần-thưởng hoặc giấy khen: None Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☒ No ☐)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đồng sự có không? Có ☐ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: None
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: Đến:
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học :
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : Trai Cải-tạo A.30 Ty Công-an Phú-Khanh
2. Time in Reeducation: From: To:
Thời gian học-tập Từ: July 4, 1975 Đến: June 22, 1981
3. Still in Reeducation?* Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có Không Released

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Ngày 23/8/1989 mới lấy None hồ sơ sinh chung tử vì hoàn cảnh
cực kỳ nên không có hồ sơ chung cũng vậy cả gia đình.
(Cà kên theo photo bản hồ sơ thân xác nhận)

Signature Date
Ký tên : Pham Quang Trung Ngày: August 4, 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

(A copy of The Release Certificate of Pham Quang Trung and a copy of Birth Certificate
Pham Quoc Vinh already sent to ODP On 01-18-85 Re. IV # 211/61)

ỦY BAN NHÂN DÂN
Phường, Xã : Long An
Quận, Huyện : Long Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
độc lập tự do hạnh phúc

SỐ Y TỬ LÝ LỊCH
TẠM THAY THẺ KHAI SINH

Họ tên đức trẻ : Đỗ Thị Tân
Trai hay gái : Gái
Ngày tháng năm sinh : 29/5/1950 (ngày hai mươi chín tháng năm năm một ngàn chín trăm năm mươi)
Nơi sinh : Phước Sơn, Phước Vân, Nghĩa Bình
Thành phần và hoàn cảnh gia đình : Bần nông
Họ tên tuổi : Đỗ Châu Trân 65 tuổi
Quốc tịch người cha : Việt Nam
Nghề nghiệp : Nông
Chỗ ở : Ấp Hòa Bình, Xã Trảng Bom hai, Huyện Thống Nhất
Tỉnh Đồng Nai.
Họ tên tuổi : Nguyễn Thị Tân
Quốc tịch người mẹ : Việt Nam
Nghề nghiệp : Nông
Chỗ ở : Ấp Hòa Bình, Trảng Bom Hai, Huyện Thống Nhất
Tỉnh Đồng Nai.
Lý do không có khai sinh : Vì chiến tranh thất lạc

Tôi cam đoan các lời khai nơi bản lý lịch này đúng sự thật tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp Luật nếu có khai gian, xin Cơ Quan chính quyền chứng nhận dứt lời tạm xử dụng trong phạm vi Pháp Luật hiện hành trong khi chờ đợi chủ trương của chính quyền về trường hợp này./-

01/9/1989 XÃ LONG AN 188

Đỗ Thị Tân, được tăng ký trưởng họ tại ấp 3 Xã Trảng Bom hai, Huyện Thống Nhất

Ngày 1 tháng 9 năm 1989
Người xin ký tên

Đỗ Thị Tân

Người chứng thứ nhất : Người chứng thứ hai
Họ tên tuổi : Nguyễn Đức Thịnh : Nguyễn Riều
Nghề nghiệp : Nông : Nông
Địa chỉ : Khu 4 Ấp 3 Xã Long An : Khu 4 Ấp 3
Long Thành Đồng Nai :
Quan hệ thế nào với người khai : : Bà con hàng xóm
Hàng xóm

ỦY BAN NHÂN DÂN
Phường, Xã : Long An
Quận, Huyện : Long Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
độc lập tự do hạnh phúc

SỞ Y TỬ LÝ LỊCH
TẠM THAY THẺ KHAI SINH

Họ tên đức trẻ : Đỗ Thái Tâm
Trai hay gái : Gái
Ngày tháng năm sinh : 29/5/1950 (ngày hai mươi chín tháng
năm năm một ngàn chín trăm năm mươi)
Nơi sinh : Phước Sơn, Phước Văn, Nghĩa Bình
Thành phần và hoàn cảnh gia đình : Bần nông
Họ tên tuổi : Đỗ Châu Trân 65 tuổi
Quốc tịch người cha : Việt Nam
Nghề nghiệp : Nông
Chỗ ở : Ấp Hòa Bình, Xã Trảng Bom hai, Huyện Thống Nhất
Tỉnh Đồng Nai.
Họ tên tuổi : Nguyễn Thái Tâm
Quốc tịch người mẹ : Việt Nam
Nghề nghiệp : Nông
Chỗ ở : Ấp Hòa Bình, Trảng Bom Hai, Huyện Thống Nhất
Tỉnh Đồng Nai.
Lý do không có khai sinh : Vì chiến tranh thất lạc

Tôi cam đoan các lời khai nơi bản lý lịch này đúng
sự thật tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp Luật
nếu có khai gian, xin Cơ Quan chính quyền chứng nhận dứt lời
tạm xử dụng trong phạm vi Pháp Luật hiện hành trong khi chờ
đội chủ trương của chính quyền về trường hợp này./-

01/2
1989

XÁC NHẬN

Đỗ Thái Tâm, hiện đang ký thường trú
tại ấp 3 Xã Long An, Long Thành, Đồng Nai.

Ngày 1 tháng 9 năm 1989
Người xin ký tên

(Signature)
Đỗ Thái Tâm

Người chứng thứ nhất :	Người chứng thứ hai
Họ tên tuổi : Nguyễn Đức Thịnh :	Nguyễn Riều
Nghề nghiệp : Nông :	Nông
Địa chỉ : Khu 4 Ấp 3 Xã Long An :	Khu 4 Ấp 3
Long Thành Đồng Nai :	
Quan hệ thế nào với người khai :	Đã con hàng xóm
Hàng xóm	

TỈNH Bình-ĐịnhQUẬN Tuy-PhướcXã Phước-sơn

CHỨNG THƯ HÔN THỨ

Số liên 38Tên họ người chồng Phạm-quang-TrungNghề nghiệp quân nhânSinh ngày 05 tháng 10 năm 1941Tại Hoài-tân, Hoài-nhơn, Bình-ĐịnhCư sở tại NTTạm trú tại Qui-nhơnTên họ cha chồng Phạm-xuân-Viên (sống)

(sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Nguyễn-thị-Hạnh (sống)

(sống chết phải nói)

Tên họ người vợ Đỗ-thị-TánhNghề nghiệp NôngSinh ngày 29 tháng 05 năm 1950Tại xuân-phương, Phước-sơn, Tuy-Phước, Bình-Định.Cư sở tại NTTạm trú tại NTTên họ cha vợ Đỗ-châu-Trần (sống)

(sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Nguyễn-thị-Tánh (sống)

(sống chết phải nói)

Ngày cưới hai mươi chín tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (29-9-1967)

Vợ chồng khai hay không lập hôn khế

Ngày tháng năm Tại xã Phước-sơn, quận Tuy-Phước

Trích y bốn chữ

Phước-sơn ngày 29 tháng 09 năm 1967
Chủ-tịch kiêm Ủy-viên Hộ-tịch, 7Huỳnh-VanChứng thư cho kỳ quá đàng
Huỳnh-Van chủ tịch hộ tịch
Đỗ
Ủy Phước-sơn, ngày 7 tháng 12 năm 1967
KT. Quận trưởng Tuy-Phước
PHO. QU. TRƯỞNG

TRẦN THANH XUÂN

TỈNH Bình- Định
QUẬN Tuy- Phước
Xã Phước- sơn

CHỨNG THƯ HÔN THỦ

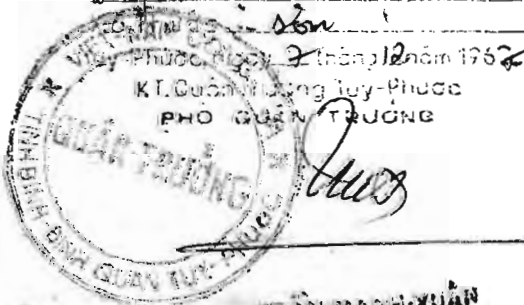
Số ~~hiện~~ 38

Tên họ người chồng Phạm- quang- Trùng
Nghề nghiệp Quân nhân
Sinh ngày 05 tháng 10 năm 1941
Tại Hoài tân, Hoài nhơn, Bình- Định
Cư sở tại NT
Tạm trú tại Qui nhơn
Tên họ cha chồng Phạm xuân- Viên (song)
(sống chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng Nguyễn- thị- Hạnh (song)
(sống chết phải nói)
Tên họ người vợ Đỗ- thị- Tánh
Nghề nghiệp Nông
Sinh ngày 29 tháng 05 năm 1950
Tại xuan phương, Phước- sơn, Tuy- Phước, Bình- Định.
Cư sở tại NT
Tạm trú tại NT
Tên họ cha vợ Đỗ- châu- Trần (song)
(sống chết phải nói)
Tên họ mẹ vợ Nguyễn- thị- Tánh (song)
(sống chết phải nói)
Ngày cưới hai mươi chín tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (29-9-1967)
Vợ chồng khai hay không lập hôn khế
Ngày tháng năm
Tại Xã Phước- sơn, Quận Tuy- Phước

Trích y bốn chính:

Phước- sơn ngày 29 tháng 09 năm 1967

Chủ-tịch kiêm Ủy-viên Hộ-tịch,


Huỳnh- VạnChứng thực chữ ký của Ông
Huỳnh-Vạn Chủ-tịch Hộ-tịch

Xã, thị trấn: Lạc Thủy
Thị xã, quận: Bỉm Sơn
Thành phố, Tỉnh: Nghệ An

Mẫu NT2/P3

Số 4074
Quyền số 177

[illegible]

Họ và tên	Trần Thị Khương An	Nam, nữ ☒ nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày hai mùng hai tháng tư năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (22-4-1972)	
Nơi sinh	Quê hương Nghĩa Bình	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Trần Quang Cường 1941	Đỗ Thị Cảnh 1950
Dân tộc	Việt - Nam	Việt - Nam
Nghề nghiệp	Lao động	Lao động
Nơi ĐKNK thường trú	Ngân Sơn, thị xã Vinh	Hố B Bình Cường Quê hương
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Đỗ Thị Cảnh 1950 Hố B Bình Cường Quê hương	

(Đang ký lại)

Đã ký ngày 12 tháng 1 năm 2001
TM/UBND _____ ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ tên, chức vụ)



TRẦN-TÂN HỒ

Xã, thị trấn: Ngọc Mỹ
Thị trấn, quận: Bình Nhưỡng
Thành phố, Tỉnh: Nghĩa Bình

Mẫu HT2/P3

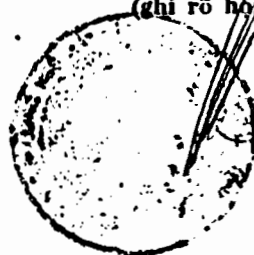
Số 4074
Quyển số 127

[illegible]

Họ và tên	Phạm Thị Khương An	Nam, nữ	nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày hai mươi hai tháng tư năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (22-4-1972)		
Nơi sinh	Quê hương Nghĩa Bình		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Phạm Quang Cường 1941	Đỗ Thị Cảnh 1950	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt - nam	Việt - nam	
Nghề nghiệp	Lao động	Lao động	
Nơi ĐKNK thường trú	Ngân Sơn, Thủ Khoa Hùng	Hố B, Bình Cường Quê hương	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Đỗ Thị Cảnh 1950 Hố B Bình Cường Quê hương		

55 *811/1041* *Đang ký (b)*
 CHỨNG NHẬN CÔNG Y RẠCH CHINH
 XÃ TÂN BÌNH
 10/10/1988
 QUẬN BÌNH DƯƠNG S. Q. TÂN BÌNH
 CHỖ ĐÓNG CHỮ KÝ
chung

Đang ký ngày _____ tháng _____ năm _____
TM/UBND _____ ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Sam Long Lung

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh (Thị xã) Bình-Dinh

Quận An-Túc

Xã (Phường) An-Khê

Số hiệu 258



Trích - Lục Bộ Khai - Sanh

Lập ngày 23 tháng 07 năm 1974

Tên họ đứa trẻ :	<u>PHẠM-QUỐC-CƯỜNG</u>
Con trai hay con gái :	<u>Con trai</u>
Ngày sanh :	<u>Ngày mười chín, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn (19-07-1974).</u>
Nơi sanh :	<u>Xã An-Khê, An-Túc, Bình-Dinh.</u>
Tên họ người cha :	<u>Phạm-Quang-Trung</u>
Tên họ người mẹ :	<u>Đỗ-Thị-Tĩnh</u>
Vợ chánh hay không có hôn thú :	<u>Vợ chánh</u>
Tên họ người đứng khai	<u>Phạm-Quang-Trung</u>

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

Xã An-Khê ngày 04 tháng 01 năm 1975



Handwritten signature
Nguyễn Thị

VIỆT NAM CỘNG - HÒA

Tỉnh (Thị Xã) Bình-Dịnh

Quận An-Thước

Xã (Phường) An-Khê

Số hiệu 228

Trích - Lục Bộ Khai - Sanh

Lập ngày 23 tháng 07 năm 19 74

Tên họ đưa trẻ :

PHẠM-QUỐC-QUANG

Con trai hay con gái :

con trai

Ngày sanh :

Ngày mười chín, tháng bảy, năm một ngàn
chín trăm bảy mươi bốn (19-07-74)

Nơi sanh :

Xã An-Khê, An-Thước, Bình-Dịnh

Tên họ người cha :

Phạm-Quang-Trung

Tên họ người mẹ :

Đỗ-Thị-Tính

Vợ chánh hay không có hôn thú :

Vợ chánh

Tên họ người đứng khai :

Phạm-Quang-Trung

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Xã An-Khê , ngày 23 tháng 07 năm 1974

Xã-Trưởng kiêm

Viên chức hộ tịch Xeulien



TRẦN-THANH-TOẠI

Dr. ...

GIẤY BIÊN NHÃN

86270930751

Họ tên.....Phạm Quốc Hưng.....

Tên thường gọi: 25/4/70

Nơi thường trú: địa 3 xã An An

1704

CHI VỎ SỔ LƯU QUYỀN SỞ QF

1943 88' of

Số thứ tự 19

7.11.1. PHI 100

19

CHUNG AN DAN SAG

LONG BEACH, CALIF. 90805

CONG CHUNG VIEN



Phan Trường Xuân

Dấu vết riêng hoặc di hình

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân
tại: Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Hẹn đến ngày 20/10/1988 trả giấy CMND

Ngôn trở trái

Ngày 14/9/1988
(Ghi rõ họ, tên người ký)

Form stamp with text: **GIẤY DIỆN NHÂN**
Số: 23030751
Họ tên: Nguyễn Văn Minh
Tên thường gọi: Nguyễn Văn Minh
Nơi thường trú: Quận Cầu Giấy, Hà Nội
1704

Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐA

*

GIẤY BIẾN NHẬN

Số 270950751

Họ tên: Phạm Quốc Ninh

Tên thường gọi: 25/4/70

Nơi thường trú: cấp 3 xã Long An

LT AN



GHI VÀO SỔ LƯU QUYỀN SỔ

TRANG SỔ

SỐ THỨ TỰ

CHU LỆ PH

CHỖ GHI SỔ

19/89

CÔNG CHỨC VIỆN



Phan Trường Xuân

Dấu vết riêng hoặc dị hình

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân

tại: Quảng Trị

Hẹn đến ngày 24/1 /1988 trả giấy CMND

Ngôn ngữ trái

Ngày 14/7 /1987

(Ghi rõ họ, tên người ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

2837020751

Họ tên: Nguyễn Văn Hùng

Tên thường gọi: Nguyễn Văn Hùng

Nơi sinh: Xã Xuân Trường, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Ninh Bình

AN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MẪU HT 3/P3

THỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

ss 4075

Պայճն թժ 177

[illegible]

HỌ VÀ TÊN	Phạm quốc Vĩnh		Nam, Nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày, tháng năm	25-4-1970 Hai mươi lăm tháng tư năm mười nghìn chín trăm bảy mươi		
Nơi sinh	Đuối thôn Nghĩa Bình		
Khai về Cha, Mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên, tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	Phạm Quang Trung sinh 1941 (tối)	Đỗ Thị Thanh 29-5-1950	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Lao động	Lao động	
Nơi ĐKNK thường trú	Sông Diên Phú Khánh	46B Biên Cường	
Họ tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Đỗ Thị Thanh 29-5-1950 Trú & khai 4 phường Sông Hây 46B Biên Cường Đuối thôn		

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÁNH

Ngày 12 tháng 3 năm 1978

TM/UBND _____ Ng. Văn / Ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 20 tháng 5 năm 1979

(ký tên, đóng dấu ghi rõ họ tên chức vụ)



RĀN-TĀN-HŌ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **210264518**

Họ tên: **ĐỖ THỊ TÁNH**



Sinh ngày: **29-5-1950**

Nguyên quán: **Phước sơn,**

Phước vân, Nghĩa bình

Nơi thường trú: **46BBiên cương,**

Quy nhơn, Nghĩa bình

Số: **845/010**

CHỦNG NHẬT CÔNG Y BẢN CHÍNH

XUẤT TẠI: **UBND Phường 6**

Ngày: **12** tháng **11** năm **1988**

UBND. PHƯỜNG 5 - Q. TÂN BÌNH

ỦY VIÊN THỦ KÝ



[Handwritten signature]

Tân Công Đảng

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo: Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo không rõ hình 1cm
x 0,5cm c. 2cm, trên, -
trước quai máy trái.

Ngày 16 tháng 11 năm 1978.

KIỂM GIẤM ĐỌC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TỶ

NGÓN TRỎ PHẢI

Nguyễn Chánh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **210264518**

Họ tên: **ĐỖ THỊ TÁNH**



Sinh ngày: **29-5-1950**

Nguyên quán: **Phước sơn,**

Phước vân, Nghĩa bình

Nơi thường trú: **46B Biên cương,**

Quy nhơn, Nghĩa bình

Số: **845/1204**

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xã **Phước Sơn** Huyện **Phước Sơn**

Nghị **12** năm **1988**

UBND **QUẬN 5, TÂN BÌNH**

ỦY VIÊN HUKY

[Signature]

Văn Công Dũng



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Thiên chúa

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo không rõ hình 1cm
x 0,5cm c. 2cm trên, -
trước quai máy trái.

Ngày 16 tháng 11 năm 1978.

NGÓN TRỎ PHẢI

KY/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TY

Nguyễn Thành

Số 887 /GRT

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 22-8-1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ, Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TTLB ngày 29-12-1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên ngụy quyền ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị

TTGDCT do Trại cải tạo Hòa Lyông an Phú Khánh quản lý

— Căn cứ quyết định số: 453/QĐ - 5 Q. 1981 Lyông an P. Khánh
Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1— Nay cấp giấy ra trại cho anh, chị có tên sau đây:

— Họ và tên: Phạm Quang Cường — Bị danh: _____

— Họ tên thường gọi: _____

— Sinh ngày 5 tháng 10 năm 1941

— Sinh quán: Hải Tân, Hải Môn, Bình Định

— Trú quán: Hình tế mới, Hòa Nguyên Tây Sơn, P. Khánh

— Quốc tịch: Việt Nam — Dân tộc: Khmer

— Tôn giáo: Thiên chúa giáo — Đảng phái: _____

+ Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: Đại úy Trưởng ban

chiến tranh du kích ở Thủ Đức

— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 7-4-1975

— Nay về cư trú tại: Hình tế mới, Hòa Nguyên

Tây Sơn, Phú Khánh

2— Khi về địa phương đương sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, an ninh, ưu tiên, người công dân, và phải thi hành lệnh quản

chỗ thời gian 10 tháng

Phú Khánh, ngày 20 tháng 6 năm 1984

Lên tay người trả phải

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

BAN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng

Trúc

Am

Phạm Quang Cường

Danh bản số: _____

Lập tại: _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Báo Np - Tr. 10 - Hàng 10

TỶ CÔNG AN PHU KHÍ KHU
THAI CỬ TẠO ABO
28 8 1988

19/9/88

SAD Y DÂN CHÍNH

LONG THANH Ngày 12/11/88

PHÒNG TƯ PHÁP LONG THANH

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Công Khanh

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

MẪU SỐ NK 4

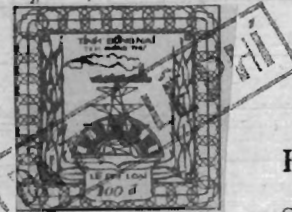
Chuyển đến _____	Chuyển đến _____
Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên đóng dấu	Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên đóng dấu
Chuyển đến _____	Chuyển đến _____
Từ ngày _____ tháng _____ năm _____	Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ : 1117 B K



Họ và tên chủ hộ Phạm Quang TRUNG

Số nhà _____ Ngõ (hẻm) _____

Đường phố _____ Đồn CAND

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh Đ. 3

Xã Long Bình, Huyện Long Thành

Tỉnh, thành phố Đồng Nai

PHI VÀO SỔ LƯU QUYỀN SỐ 01

PHI 01

PHI 20

PHI 100

CHỨNG NHẬN BẢN SẠO

ONO THANH N. 19/10/89

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



Ngày 26 tháng 2 năm 1989

Trưởng Công an

(Ký, tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phạm Duy

Trần Trường Xuân

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến _____ Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đóng dấu Ký tên đóng dấu

Chuyển đến _____ Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Mẫu số NK 4

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số : 1117 B12

Họ và tên chủ hộ Phạm Duy TRUNG

Số nhà _____ Ngõ (hẻm) _____

Đường phố _____ Đồn CAND _____

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh Đông Nai

Xã Long Hưng, huyện Long Thành

Tỉnh, thành phố Đông Nai

GHI VÀO HỒ TỜ QUẢN LÝ SỐ 01
TRANG 01
SỐ THU TỰ 20
THU LỆ PHÍ 100

Ngày 24 tháng 2 năm 1981

Trưởng Công an

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)

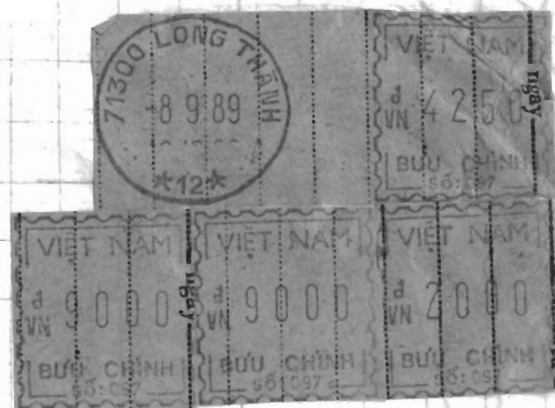
CHỨNG NHẬN ĐĂNG SAO
LONG THÀNH NGÀY 11/9/1981
CÔNG CHỨNG VIỆN



Phạm Duy
Phạm Trường Xuân

.. TRÚ TRONG HỘ

From: Phạm quang Cường
Khu 3 Long An, Long Thành
ĐÔNG NAI - Vietnam

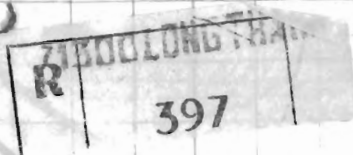


To: Bà Khúc Minh Châu

P.O. BOX. 5435, ARLINGTON VA. 22205-0635

U.S.A.

1909
24.50.1



lưu trữ

Ảnh cá²

giao dịch mỗi
ngày 2 lần

em trai 8T
chủ 10 tấm
Hx Q - 18T

1500

12 - 88



Đỗ thị Lành

Phạm quốc
Cường

Phạm quốc
Vinh

Phạm thị
Khuyến An

CONTROL

____ Card
...☒ Doc. Request; Form 11/1/85
____ Release Order
____ Computer
Form "D"

____; Letter